ACI HANOI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH NGHỆ AN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

(đã được kiểm toán)

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN, TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ ACI HÀ NỘI
CHI NHÁNH MIỀN BẮC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH NGHỆ AN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02
Báo cáo kiểm toán độc lập	03 - 04
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	05 - 19
Bảng cân đối kế toán	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08
Thuyết minh Báo cáo tài chính	09 - 19

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Phát hành sách Nghệ An (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Phát hành sách Nghệ An được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2900326022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 09 tháng 01 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 17 tháng 05 năm 2023.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 33, đường Lê Mao, Phường Lê Mao, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam.

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông:	Tô Thanh Tâm	Giám đốc
Bà:	Phạm Thị Lệ Hằng	Phó Giám đốc
Bà:	Lại Thị Thanh Thảo	Phó Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán, Tư vấn và Đầu tư ACI Hà Nội - Chi nhánh Miền Bắc đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban Quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc

Tô Thanh Tâm
Giám đốc
Hà Nội, ngày 22 tháng 07 năm 2024

Số: 2307/2024/BCKT/PHSNA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Phát hành sách Nghệ An

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Phát hành sách Nghệ An được lập ngày 22 tháng 07 năm 2024, từ trang 05 đến trang 19, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Phát hành sách Nghệ An tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Bình An. Theo Báo cáo kiểm toán số 14012023.02/BCKT/BA ngày 14/01/2023, Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Tại thời điểm 31/12/2023, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn của Công ty là 4.729.774.542 đồng, lỗ lũy kế là 7.860.217.738 đồng. Những sự kiện này, cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 vẫn được trình bày trên cơ sở giả định về khả năng hoạt động liên tục.
Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến chấp nhận toàn phần của chúng tôi.

Công ty TNHH Kiểm toán, Tư vấn và Đầu tư ACI Hà Nội - Chi nhánh Miền Bắc

M.S.C.N: 0109297366-001-C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN, TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ ACI HÀ NỘI - CHI NHÁNH MIỀN BẮC
Q. BA ĐÌNH - T.P HÀ NỘI

Phạm Thành Luân
Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 4391-2024-332-1

Nguyễn Mạnh Hùng
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 5232-2021-332-1

Hà Nội, ngày 23 tháng 07 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**1.411.717.132**	**1.737.226.245**
110	**I. Tiền và các khoản tương đương tiền**	**03**	**33.254.605**	**32.497.982**
111	1. Tiền		33.254.605	32.497.982
130	**II. Các khoản phải thu ngắn hạn**		**856.035.753**	**1.045.434.995**
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	04	648.999.749	831.009.018
136	2. Phải thu ngắn hạn khác	05	202.741.004	205.654.977
139	3. Tài sản thiếu chờ xử lý	06	4.295.000	8.771.000
140	**III. Hàng tồn kho**	**07**	**522.426.774**	**626.709.287**
141	1. Hàng tồn kho		522.426.774	626.709.287
150	**IV. Tài sản ngắn hạn khác**		**-**	**32.583.981**
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		-	32.583.981
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**8.677.403.164**	**8.983.513.131**
220	**I. Tài sản cố định**		**7.730.078.618**	**8.036.188.585**
221	1. Tài sản cố định hữu hình	09	7.730.078.618	8.036.188.585
222	*- Nguyên giá*		*13.630.512.545*	*13.630.512.545*
223	*- Giá trị hao mòn luỹ kế*		*(5.900.433.927)*	*(5.594.323.960)*
240	**II. Tài sản dở dang dài hạn**	**08**	**947.324.546**	**947.324.546**
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		947.324.546	947.324.546
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**10.089.120.296**	**10.720.739.376**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**10.315.958.034**	**10.402.529.232**
310	**I. Nợ ngắn hạn**		**6.141.491.674**	**6.457.783.279**
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	762.943.194	887.076.288
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	379.860.752	508.973.395
314	3. Phải trả người lao động		95.289.518	274.873.794
319	4. Phải trả ngắn hạn khác	13	343.398.210	292.514.392
320	5. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	10	4.560.000.000	4.494.345.410
330	**II. Nợ dài hạn**		**4.174.466.360**	**3.944.745.953**
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	14	2.537.742.364	2.479.300.909
337	2. Phải trả dài hạn khác	13	1.255.405.702	1.048.726.250
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	10	381.318.294	416.718.794
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**(226.837.738)**	**318.210.144**
410	**I. Vốn chủ sở hữu**	**15**	**(226.837.738)**	**318.210.144**
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		7.433.380.000	7.433.380.000
411a	*Cổ đông phổ thông có quyền biểu quyết*		*7.433.380.000*	*7.433.380.000*
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		200.000.000	200.000.000
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(7.860.217.738)	(7.315.169.856)
421a	*LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước*		*(7.315.169.856)*	*(6.559.570.626)*
421b	*LNST chưa phân phối năm nay*		*(545.047.882)*	*(755.599.230)*
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**10.089.120.296**	**10.720.739.376**

Hà Nội, ngày 22 tháng 07 năm 2024

Người lập biểu	Quyền Kế toán trưởng	Giám đốc
Lê Thị Kim Dung		Tô Thanh Tâm

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
01	**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**16**	**3.161.639.463**	**10.399.882.584**
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	**3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**3.161.639.463**	**10.399.882.584**
11	**4. Giá vốn hàng bán**	**17**	**1.767.782.018**	**7.374.959.031**
20	**5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**1.393.857.445**	**3.024.923.553**
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	18	80.310	108.417
22	7. Chi phí tài chính	19	347.347.261	372.329.130
23	*Trong đó: Chi phí lãi vay*		*347.347.261*	*372.329.130*
25	8. Chi phí bán hàng	20	1.422.101.499	1.773.028.921
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	1.833.305.255	1.690.341.282
30	**10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**(2.208.816.260)**	**(810.667.363)**
31	11. Thu nhập khác	22	1.663.768.378	55.068.133
32	12. Chi phí khác		-	-
40	**13. Lợi nhuận khác**		**1.663.768.378**	**55.068.133**
50	**14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**(545.047.882)**	**(755.599.230)**
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	23	-	-
60	**17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**		**(545.047.882)**	**(755.599.230)**

Hà Nội, ngày 22 tháng 07 năm 2024

Người lập biểu	Quyền Kế toán trưởng	Giám đốc
Lê Thị Kim Dung		Tô Thanh Tâm

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2023

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		5.022.386.626	15.828.266.916
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(1.738.113.724)	(13.368.607.152)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(2.538.431.630)	(2.128.475.302)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(347.347.261)	(372.329.130)
06	5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		465.890.004	603.556.127
07	6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(798.053.112)	(641.230.854)
20	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh***		***66.330.903***	***(78.819.395)***
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
27	1. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		80.310	108.417
30	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư***		***80.310***	***108.417***
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		5.129.345.410	14.118.223.251
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(5.195.000.000)	(14.056.149.321)
40	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính***		***(65.654.590)***	***62.073.930***
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**756.623**	**(16.637.048)**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu năm**		**32.497.982**	**49.135.030**
70	**Tiền và tương đương tiền cuối năm**	**03**	**33.254.605**	**32.497.982**

Hà Nội, ngày 22 tháng 07 năm 2024

Người lập biểu	Quyền Kế toán trưởng	Giám đốc
Lê Thị Kim Dung		Tô Thanh Tâm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2023

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phát hành sách Nghệ An được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2900326022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 09 tháng 01 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 17 tháng 05 năm 2023.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 33, đường Lê Mao, Phường Lê Mao, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt

Vốn điều lệ của Công ty là: 7.433.380.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình
  Chi tiết: Bán buôn các loại xuất bản phẩm, văn phòng phẩm, văn hóa phẩm, báo và tạp chí, giấy tờ biểu mẫu quản lý kinh tế, hành chính Bán buôn các loại thiết bị điện tử, điện máy, dụng cụ thể thao, thiết bị giảng dạy học tập, đồ chơi trẻ em, hóa mỹ phẩm.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quyết định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2.4. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính
Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu
Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn , tiền đang chuyển, tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn ko quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

2.6. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

2.7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

2.8. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

2.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí tập hợp bao gồm chi phí xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị, chi phí khác... và đối với các tài sản đủ điều kiện, chi phí đi vay được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Công ty.

2.10. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.11. Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.12. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác như: chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...

2.13. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

2.14. Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ
Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính
Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.15. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.16. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành
Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành
Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

2.18. Lãi trên cổ phiếu
Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.19. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:
- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	26.492.363	24.126.534
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.762.242	8.371.448
	33.254.605	**32.497.982**

4. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Hiệu sách Diễn Châu	57.475.120	-	67.148.120	-
- Lê Thị Minh Tâm QL	43.297.420	-	72.280.020	-
- Trần Thị Na QL	40.401.610	-	54.834.910	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	507.825.599	-	636.745.968	-
	648.999.749	**-**	**831.009.018**	**-**

5. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Tạm ứng	70.982.381	-	75.384.842	-
- Các khoản phải thu khác	131.758.623	-	130.270.135	-
	202.741.004	**-**	**205.654.977**	**-**

6. TÀI SẢN THIẾU CHỜ XỬ LÝ

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
		VND		VND
- Hàng tồn kho	-	4.295.000	-	8.771.000
		4.295.000		**8.771.000**

7. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Hàng hóa	522.426.774	-	626.709.287	-
	522.426.774	**-**	**626.709.287**	**-**

8. TÀI SẢN DỞ DANG DÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
b) Xây dựng cơ bản dở dang		
- Xây dựng cơ bản	947.324.546	947.324.546
Cải tạo, xây dựng tòa nhà 33- Lê mao	947.324.546	947.324.546
	947.324.546	**947.324.546**

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Cộng
	VND	VND	VND	**VND**
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	10.995.267.002	1.679.240.571	956.004.972	13.630.512.545
Số dư cuối năm	**10.995.267.002**	**1.679.240.571**	**956.004.972**	**13.630.512.545**
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	3.244.632.067	1.470.150.546	879.541.347	5.594.323.960
- Khấu hao trong năm	250.345.032	22.519.881	33.245.054	306.109.967
Số dư cuối năm	**3.494.977.099**	**1.492.670.427**	**912.786.401**	**5.900.433.927**

Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	7.750.634.935	209.090.025	76.463.625	8.036.188.585
Số dư cuối năm	**7.500.289.903**	**186.570.144**	**43.218.571**	**7.730.078.618**

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: - VND

10. CÁC KHOẢN VAY

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn				
- Công ty TNHH Năng lượng xanh (1)	4.500.000.000	4.500.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	-	-	4.494.345.410	4.494.345.410
- Vay cá nhân	60.000.000	60.000.000	-	-
Vay dài hạn				
- Đầu tư của cán bộ nhân viên công ty	381.318.294	381.318.294	416.718.794	416.718.794
	4.941.318.294	**4.941.318.294**	**4.911.064.204**	**4.911.064.204**

(1) Hợp đồng vay ngày 17/07/2023 với Công ty TNHH Năng lượng Xanh bao gồm các điều khoản sau:
- Hạn mức vay: 4.500.000.000 VND;
- Thời hạn vay: 03 tháng kể từ ngày ký hợp đồng và giải ngân;
- Lãi suất: theo lãi suất Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Nghệ An tại thời điểm vay;
- Mục đích vay: tất toán khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Nghệ An;
- Tài sản đảm bảo: tài sản gắn liền với thửa đất số 33 Lê Mao, phường Lê Mao, Tp. Vinh, tỉnh Nghệ An.

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
- Lâm Lợi	225.060.400	225.060.400	226.099.800	226.099.800
- Tranh (ký gửi)	62.480.000	62.480.000	71.100.000	71.100.000
- Các khoản phải trả người bán khác	475.402.794	475.402.794	589.876.488	589.876.488
	762.943.194	**762.943.194**	**887.076.288**	**887.076.288**

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
- Thuế GTGT	-	283.121.014	276.987.112	6.133.902
- Thuế nhà đất	508.973.395	559.062.000	694.308.545	373.726.850
- Các loại thuế, phí khác	-	10.000.000	10.000.000	-
	508.973.395	**852.183.014**	**981.295.657**	**379.860.752**

13. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	46.200.052	52.650.052
- Bảo hiểm xã hội	172.701.662	124.630.540
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	124.496.496	115.233.800
	343.398.210	**292.514.392**
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.042.679.452	836.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	51.958.350	51.958.350
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	160.767.900	160.767.900
	1.255.405.702	**1.048.726.250**

14. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
b) Dài hạn		
- Doanh thu nhận trước	2.537.742.364	2.479.300.909
	2.537.742.364	**2.479.300.909**

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm nay	**7.433.380.000**	**200.000.000**	**(7.315.169.856)**	**318.210.144**
Lỗ trong năm nay	-	-	(545.047.882)	(545.047.882)
Số dư cuối năm nay	**7.433.380.000**	**200.000.000**	**(7.860.217.738)**	**(226.837.738)**

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn nhà nước	3.791.020.000	51,00%	3.791.020.000	51,00%
Cao Minh Sơn	2.697.260.000	36,29%	2.697.260.000	36,29%
Các cổ đông khác	945.100.000	12,71%	945.100.000	12,71%
	7.433.380.000	**100,00%**	**7.433.380.000**	**100,00%**

16. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	3.161.639.463	10.399.882.584
	3.161.639.463	**10.399.882.584**

17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.767.782.018	7.374.959.031
	1.767.782.018	**7.374.959.031**

18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	80.310	108.417
	80.310	**108.417**

19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền vay	347.347.261	372.329.130
	347.347.261	**372.329.130**

20. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí bán hàng	1.422.101.499	1.773.028.921
	1.422.101.499	**1.773.028.921**

21. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.833.305.255	1.690.341.282
	1.833.305.255	**1.690.341.282**

22. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thu nhập khác	1.663.768.378	55.068.133
	1.663.768.378	**55.068.133**

23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	(545.047.882)	(755.599.230)
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- *Chi phí không được trừ*	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	(545.047.882)	(755.599.230)
- *Chuyển lỗ các năm trước*	-	-
Thu nhập tính thuế TNDN	(545.047.882)	(755.599.230)
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	-	-

24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	(545.047.882)	(755.599.230)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(545.047.882)	(755.599.230)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	20.000.000	20.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**(27)**	**(38)**

25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	33.254.605	-	32.497.982	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	851.740.753	-	1.036.663.995	-
	884.995.358	**-**	**1.069.161.977**	**-**

	Giá trị sổ kế toán	
	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	4.941.318.294	4.911.064.204
Phải trả người bán, phải trả khác	2.361.747.106	2.228.316.930
	7.303.065.400	**7.139.381.134**

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày Số cuối năm	VND	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	33.254.605	-	-	33.254.605
Phải thu khách hàng, phải thu khác	851.740.753	-	-	851.740.753
Các khoản cho vay	-	-	-	-
	884.995.358	**-**	**-**	**884.995.358**
Tại ngày 01/01/2023				
Tiền và các khoản tương đương tiền	32.497.982	-	-	32.497.982
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.036.663.995	-	-	1.036.663.995
Các khoản cho vay	-	-	-	-
	1.069.161.977	**-**	**-**	**1.069.161.977**

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày Số cuối năm	VND	VND	VND	VND
Vay và nợ	4.560.000.000	381.318.294	-	4.941.318.294
Phải trả người bán, phải trả khác	1.106.341.404	1.255.405.702	-	2.361.747.106
	5.666.341.404	**1.636.723.996**	**-**	**7.303.065.400**
Tại ngày 01/01/2023				
Vay và nợ	4.494.345.410	416.718.794	-	4.911.064.204
Phải trả người bán, phải trả khác	1.179.590.680	1.048.726.250	-	2.228.316.930
	5.673.936.090	**1.465.445.044**	**-**	**7.139.381.134**

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

26. THÔNG TIN KHÁC

Công ty có nợ ngắn hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 vượt quá tài sản ngắn hạn số tiền là 4.729.774.542 VND, lỗ lũy kế là 7.860.217.738 đồng. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc hoạt động kinh doanh có lãi và việc tiếp tục tài trợ của các chủ đầu tư trong tương lai.

Vào ngày lập báo cáo này không có lý do nào để Ban Giám đốc Công ty tin rằng các chủ đầu tư sẽ không tiếp tục tài trợ để Công ty có thể hoạt động liên tục trong tương lai. Do vậy, các báo cáo tài chính đính kèm vẫn được soạn thảo trên cơ sở giả định Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

27. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau: (riêng đối với các khoản vay với các bên liên quan được nêu chi tiết tại Thuyết minh số 10)

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	74.400.000	74.400.000

29. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Bình An.

Hà Nội, ngày 22 tháng 07 năm 2024

Người lập biểu	Quyền Kế toán trưởng	Giám đốc
Lê Thị Kim Dung		Tô Thanh Tâm